

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN ĐỘNG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST  
Ngày 30 -9- 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2. Bà Hoàng Thị Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:**  
Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên;

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA, ngày 12/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS, ngày 31/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS, ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1956, (có mặt)

Địa chỉ: Thôn LC, xã TH, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Ông Lê Huy Kh, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã VS, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Xuân Đ trình bày: Trong 02 năm 2014 - 2015, anh Kh có 07 lần vay tiền của ông như sau:

Lần 1: Ngày 02/7/2014, vay 910.000.000đ

Lần 2: Ngày 04/8/2014, vay 765.000.000đ

Lần 3: Ngày 01/9/2014, vay 280.000đ

Lần 4: Ngày 08/11/2014, vay 130.000.000đ

Lần 5: Ngày 11/10/2014, vay 200.000.000đ

Lần 6: Ngày 24/10/2014, vay 180.000.000đ

Lần 7: Ngày 30/8/2015, vay 200.000.000đ

Tổng số tiền ông cho anh Kh vay là 2.665.000.000đ ( Hai tỷ sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Hai bên thỏa thuận miệng lãi xuất là 1%, thỏa thuận về thời hạn thanh toán từ 1 đến 5 tháng phải trả đủ gốc và lãi.

Anh Kh đã trả tiền cho ông 05 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: trả 205.000.000 ( trả 1 lần)

Lần 2: trả 1.050.000.000đ ( trả làm 4 lần)

Lần 3: trả 395.000.000đ( trả làm 3 lần)

Lần 4: trả 100.000.000đ (trả làm 1 lần)

Lần 5: trả 200.000.000đ (trả làm 1 lần)

*(Các lần anh Kh trả tiền nêu trên ông đều không nhớ ngày, tháng)*

Tính đến ngày 02/8/2016, anh Kh đã trả cho ông được 1.950.000.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc, chưa trả được đồng lãi nào; anh Kh còn nợ lại ông số tiền: 715.000.000đ (Bảy trăm mười lăm triệu đồng) tiền gốc. Sau khi tính toán số tiền anh Khóai còn nợ, ông và anh Kh đã thống nhất lập Giấy thanh toán vay tiền trong đó có ghi các lần vay, các lần trả nợ và ghi nhận số nợ còn lại, cả hai cùng ký vào giấy này, ông giao giấy cho anh Kh giữ.

Kể từ ngày chốt các khoản vay nợ với anh Kh, anh Kh không thanh toán tiền cho ông. Tháng 1 năm 2017, ông và anh Kh tiếp tục thống nhất thỏa thuận với nhau về việc anh Kh phải thanh toán cho ông số tiền gốc là 715.000.000đ và số tiền lãi tính từ năm 2014 đến tháng 01/2017 là 378.000.000đ, tổng số tiền anh Kh phải thanh toán cho ông là 1.093.000.000đ (Một tỷ không trăm chín mươi ba triệu đồng) hạn đến tháng 02/2017 (dương lịch) anh Kh phải thanh toán cho ông toàn bộ số tiền trên. Việc thỏa thuận có lập thành văn bản là “Giấy cam kết” đề ngày 02/7/2014 do em gái ông là chị Trần Thị Bích viết giúp. Ngày tháng cũng như nội dung “Giấy cam kết” là đều theo sự thống nhất thỏa thuận giữa ông và anh Kh, chị Bích chỉ là người viết giúp. Mặc dù ngày tháng trong Giấy cam kết không đúng với thực tế ngày tháng viết giấy cam kết nhưng vì tính số lãi từ năm 2014 nên ông và anh Kh đã thống nhất đề ngày 02/7/2014.

Kể từ ngày lập giấy cam kết, anh Kh mới thanh toán cho ông được 03 lần như sau:

Lần 1: Ngày 30 tháng chạp năm 2018 (âm lịch) bố đẻ của anh Kh là ông Lê huy Khôi trả giúp cho anh Kh số tiền 220.000.000đ

Lần 2: Ngày 06 - 7/8/2021, anh Kh thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho ông 03 lần với tổng số tiền 200.000.000đ.

Tổng số tiền anh Kh đã thanh toán cho ông là 420.000.000đ.

Như vậy, anh Kh còn nợ ông số tiền 673.000.000đ (Sáu trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Việc anh Kh trình bày là ngày 16/11/2016, anh Kh thanh toán cho ông 300.000.000đ, ông xác định khoản tiền này đã được thống kê, tính toán tại Giấy thanh toán vay tiền đề ngày 02/8/2016 giữa ông và anh Kh, khoản tiền này chính là lần thanh toán thứ 4 và lần thứ 5 cộng lại. Về việc tại sao Giấy ký nhận tiền (16/11/2016) lại sau ngày thống kê thanh toán (02/8/2016) ông chỉ biết là như vậy chứ không lý giải được tại sao.

Đối với số tiền 200.000.000đ thanh toán ngày 09/7/2018, do bố đẻ của anh Kh thay anh Kh trả cho ông. Số tiền này là khoản vay khác của anh Kh vay ông ngày 03/4/2017. Số tiền này không liên quan đến tổng số nợ mà anh Kh nợ ông trước đó.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lê Huy Kh phải thanh toán cho ông số tiền còn nợ là 673.000.000đ và lãi xuất theo thỏa thuận miệng là 1%/tháng, thời hạn tính lãi xuất tính từ tháng 01/2018 đến khi trả xong số tiền nợ nêu trên.

Ông Đ khẳng định khoản tiền ông cho anh Kh vay là tiền riêng của ông.

Tại phiên hòa giải ông Đ yêu cầu anh Kh trả tiền gốc và lãi xuất tính từ tháng 01/2019 đến khi trả nợ xong.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Huy Kh trình bày: Trong 02 năm 2014 - 2015, anh có đến gặp ông Đ để vay tiền nhiều lần. Các lần vay anh đều ký nhận vào sổ sách theo dõi của ông Đ, do ông Đ giữ. Hai bên thỏa thuận miệng lãi xuất là 2000đ/triệu/ngày, thời hạn thanh toán từ 30 đến 45 ngày là phải thanh toán cả gốc và lãi.

Từ khi vay tiền anh đã trả tiền lãi đầy đủ, đối với số tiền gốc anh trả các lần gộp lên nhau. Tính đến ngày 02/8/2016, anh còn nợ lại ông Đ số tiền: 715.000.000đ (Bảy trăm mười lăm triệu đồng). Các lần thanh toán cho ông Đ không ghi giấy tờ gì. Đến ngày 02/8/2016, hai bên tính toán số tiền nợ thì ông Đ có viết Giấy thanh toán vay tiền cho anh, trong đó có ghi các lần vay, các lần trả nợ và ghi nhận số nợ còn lại, cả hai cùng ký vào giấy này, ông Đ giao cho anh giữ.

Ngoài số tiền còn nợ ông Đ, ngày 03/4/2017, anh có vay của ông Đ số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền anh còn nợ ông Đ là 855.000.000đ (Tám trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Số tiền này anh đã thanh toán cho ông Đ các lần như sau:

Lần 1: Ngày 16/11/2016, thanh toán 300.000.000đ

Lần 2: Ngày 30/chạp (âm lịch) thanh toán 220.000.000đ

Lần 3: Ngày 09/7/2018, thanh toán 200.000.000đ (do bố anh là Lê Huy Khôi giao tiền cho ông Đ).

Lần 4: Ngày 6-7/8/2021, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho ông Đ 3 lần với số tiền 200.000.000đ.

Tổng cộng anh đã trả cho ông Đ 920.000.000đ (Chín trăm hai mươi triệu đồng), vượt quá số tiền mà anh còn nợ ông Đ.

Ông Đ căn cứ vào Giấy cam kết đề ngày 02/7/2014 để khởi kiện yêu cầu anh trả nợ. Giấy cam kết này được viết vào tháng 01/2017, do em gái ông Đ là người viết giấy, ông Đ cho người đến cơ quan ép anh xuống nhà ông Đ để ký vào Giấy cam kết. Do sợ ông Đ kiện lên quân khu, dọa sẽ cho anh ra quân nên anh phải ký vào Giấy cam kết nhận khoản nợ 1.093.000đ. Giấy cam kết này ông Đ tự sửa ngày tháng năm thành “ngày 02/7/2014”, dòng chữ ghi “Hôm nay, ngày 2 tháng 7 năm 2014” là được chèn thêm, thực tế khi anh ký giấy là không có dòng chữ này. Khoản tiền ghi trong giấy cam kết là 1.093.000.000đ thực tế là có 715.000.000đ tiền gốc (theo Giấy thanh toán vay tiền ngày 02/8/2016) và 378.000.000đ tiền lãi phát sinh (từ ngày 02/8/2016 đến tháng 1/2017).

Ngày 03/02/2020, ông Đ làm bản cam kết sẽ không kiện tụng ra pháp luật để tự thỏa thuận thống nhất với nhau nhưng tháng 12/2020, ông Đ lại tố cáo anh đến Công an tỉnh Bắc Giang. Tại Công an tỉnh Bắc Giang giữa anh và ông Đ đã thỏa thuận với nhau anh trả thêm cho ông Đ 200.000.000đ nữa là coi như đã giải quyết xong. Do vậy, ngày 06/8/2021 và ngày 07/8/2021, anh đã chuyển khoản trả cho ông Đ thêm 200.000.000đ.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu anh trả nợ gốc và lãi, anh không nhất trí.

Anh Kh xác định toàn bộ số tiền vay đều phục vụ vào mục đích riêng của anh, không liên quan đến ai khác.

### 3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân Đ về việc yêu cầu anh Lê Huy Kh phải thanh toán tiền gốc và lãi.

Buộc anh Lê Huy Kh phải trả cho ông Trần Xuân Đ số tiền 889.987.600đ (Tám trăm tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng. Trong đó:

- Tiền gốc: 613.000.000đ ( Sáu trăm mười ba triệu đồng);
- Tiền lãi: 276.987.600đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Xuân Đ.

Anh Lê Huy Kh phải chịu 38.699.000đ (Ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Xuân Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là anh Lê Huy Kh, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh Kh đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần 2

[2] Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn thấy:

Ông Trần Xuân Đ yêu cầu anh Kh phải trả lại số tiền nợ là 673.000.000đ sau khi đã trừ đi các khoản tiền anh Kh đã trả. Anh Kh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và cho rằng đã thanh toán cho ông Đ vượt quá số tiền được vay.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông Đ có giao nộp cho Tòa án 01 giấy cam kết đề ngày 02/7/2014, 01 Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm; lịch sử giao dịch số tiền nhận chuyển khoản, 02 mẫu giấy lập các ngày 03/4/2017 và 09/7/2018, 01 biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu.

Anh Lê Huy Kh giao nộp cho Tòa án 01 Giấy thanh toán vay tiền đề ngày 02/8/2016, 01 mẫu giấy đề ngày 16/11/2016, 01 tờ giấy ghi nội dung trả nợ các ngày 30/chạp âm lịch và ngày 09/7/2018.

Đánh giá các tài liệu, chứng cứ mà các bên giao nộp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với giấy cam kết đề ngày 02/7/2014: Mặc dù giấy cam kết đề ngày 02/7/2014, nhưng cả ông Kh và anh Đ đều thừa nhận giấy được lập vào tháng 1/2017, anh Kh cũng thừa nhận chữ ký dưới mục người viết cam kết là của mình.

Anh Kh cho rằng anh bị ông Đ ép ký vào giấy cam kết nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc mình bị ép buộc. Về nội dung ghi trong giấy vay nợ, cả ông Đ và anh Kh đều xác nhận số tiền 1.093.000.000 bao gồm 715.000.000đ tiền gốc và 378.000.000đ tiền lãi. Ông Đ xác định tiền lãi là do hai bên thỏa thuận tính toán từ các khoản nợ năm 2014, anh Kh thì cho rằng khoản lãi này được tính toán từ số tiền nợ 715.000.000đ tính từ ngày 02/8/2016 đến tháng 1/2017, ông Đ buộc anh phải chịu lãi xuất cao. Tuy nhiên, anh Kh cũng không đưa được ra tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc anh phải chịu lãi xuất cao. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh Kh là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên phải chịu trách nhiệm đối với nội dung mà tự mình tham gia giao dịch, ký kết tại Giấy cam kết nêu trên.

Đối với 02 mẫu giáp lập các ngày 03/4/2017 và 09/7/2018, 01 biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu mà ông Đ giao nộp mục đích để chứng minh khoản tiền 200.000đ ông Lê Huy Khôi trả thay anh Đ ngày 09/7/2018 không liên quan đến khoản tiền vay hai bên xác lập ngày 02/7/2014. Tuy nhiên, giấy nhận nợ chỉ thể hiện anh Kh vay số tiền 140.000.000đ, ngoài ra ông Đ cũng không có tài liệu gì khác để chứng minh số tiền anh Kh vay là 200.000.000đ. Do ông Đ thừa nhận có nhận khoản tiền 200.000.000đ nên số tiền còn lại  $200.000.000đ - 140.000.000đ = 60.000.000đ$  cần được tính vào khoản tiền anh Kh đã thanh toán cho ông Đ để trừ đi.

Đối với các tài liệu được xác lập trước tháng 01/2017, Hội đồng xét xử nhận định, việc thỏa thuận giữa các bên đã được hai bên tính toán, thống nhất xác lập lại bằng Giấy cam kết đề ngày 02/7/2014 (thực tế lập vào tháng 01/2017), do vậy, các giấy tờ trên không còn giá trị.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các bên giao nộp, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định nội dung vay tiền giữa ông Đ và anh Kh cụ thể như sau:

Giữa ông Trần Xuân Đ và anh Lê Huy Kh đã nhiều lần thỏa thuận với nhau về việc ông Đ cho anh Kh vay tiền. Tháng 1/2017, ông Đ và Anh Kh thống nhất lập Giấy cam kết với nội dung anh Kh vay của ông Đ 1.093.000.000đ (Một tỷ không trăm chín mươi ba triệu đồng), trong đó có 715.000.000đ tiền gốc và 378.000.000đ tiền lãi. Ngày 03/4/2017, ông Đ tiếp tục cho anh Kh vay số tiền 140.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền anh Kh nợ ông Đ là 1.233.000.000đ.

Tính từ thời điểm chốt nợ tháng 1/2017, anh Kh đã thanh toán cho ông Đ 03 lần:

Lần 1: Ngày 30 tháng chạp năm 2018 (âm lịch) bố đẻ của anh Kh là ông Lê Huy Khôi trả giúp cho anh Kh số tiền 220.000.000đ

Lần 2: Ngày 09/7/2018, bố đẻ của anh Kh là ông Lê Huy Khôi trả giúp cho anh Kh số tiền 200.000.000đ

Lần 3: Ngày 06 - 7/8/2021, anh Kh thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho ông Đ 03 lần với tổng số tiền 200.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền anh Kh còn nợ ông Đ là 613.000.000đ (Sáu trăm mười ba triệu đồng).

Nay ông Đ yêu cầu anh Kh phải trả số tiền gốc là 673.000.000đ, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đ, buộc anh Kh phải trả cho ông Đ số tiền còn nợ là 613.000.000đ là đúng với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu về lãi suất của ông Đ: Ông Đ yêu cầu anh Kh phải chi trả lãi suất theo lãi xuất của ngân hàng đối với số tiền còn nợ. Về thời gian tính lãi xuất, tại phiên tòa ông Đ yêu cầu tính lãi xuất từ tháng 01/2019 cho đến khi trả nợ xong.

Xem xét giấy cam kết xác lập tháng 01/2017 giữa ông Đ và anh Kh, hai bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán là tháng 2/2017 nhưng không có nội dung thỏa thuận về lãi xuất. Ông Đ xác định hai bên có thỏa thuận miệng về lãi xuất là 1%/tháng nhưng anh Kh không thừa nhận, ông Đ cũng không có tài liệu để chứng minh.

Khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 quy định:

*“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay*

*...*

*4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”*

*“Điều 468. Lãi suất*

*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Căn cứ vào các quy định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thời hạn anh Kh cam kết trả nợ cho ông Đ là tháng 2/2017, nhưng đến hạn anh Kh không thanh toán số tiền nợ cho ông Đ. Như vậy anh Kh đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 từ ngày 01/3/2017 nhưng ông Đ chỉ yêu cầu anh Kh phải chịu lãi xuất đối với số tiền nợ tính từ tháng 01/2019. Yêu cầu của ông Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do các bên có tranh chấp nhau về lãi xuất nên mức lãi xuất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 là 10%/ năm = 0.83%/tháng. Về thời gian, mức lãi suất anh Kh phải chịu được tính như sau:

- Từ tháng 01/2019 đến tháng 8/2021 là 32 tháng:  $813.000.000đ \times 0,83\% \times 32 \text{ tháng} = 215.932.800đ$ ;

- Từ tháng 9/2021 đến ngày 30/9/2022 là 13 tháng:  $613.000.000đ \times 0,83\% \times 13 \text{ tháng} = 66.142.700đ$ ;

Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà anh Kh phải thanh toán cho ông Đ là  $282.075.500đ + 613.000.000đ = 895.075.500đ$  (Tám trăm chín mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận một phần nên anh Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các điều 6, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Mức án phí anh Lê Huy Kh phải chịu quy định tại điểm d tiểu mục 1.3, mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) mức án phí từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng.

Số tiền anh Kh phải thanh toán cho ông Đ là 895.075.500đ đồng nên án phí anh Kh phải chịu là  $95.075.500đ \times 3\% + 36.000.000đ = 38.852.000đ$  (Ba mươi tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng, đã làm tròn). Ông Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, do ông Đ là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326, ông Đ có đơn xin miễn nộp án phí nên cần xem xét, miễn án phí cho ông Đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân Đ về việc yêu cầu anh Lê Huy Kh phải thanh toán tiền gốc và lãi.

Buộc anh Lê Huy Kh phải trả cho ông Trần Xuân Đ số tiền 895.075.500đ (Tám trăm chín mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Trong đó:

- Tiền gốc: 613.000.000đ ( Sáu trăm mười ba triệu đồng);
- Tiền lãi: 282.075.500đ (Hai trăm tám mươi hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Xuân Đ.

Anh Lê Huy Kh phải chịu 38.852.000đ (Ba mươi tám triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*\* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Ngát**

**Hoàng Thị Chung**

**Hoàng Thị Hằng**